

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 09/4/2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý.

Ông Tạ Kỳ Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Hồng Ph, sinh năm 1990.

Cư trú tại: khu phố GH, phường TrB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Bị đơn:** anh Lê Anh T, sinh năm 1990.

Cư trú tại: ấp CX, xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Chị Ph, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Ph trình bày:

Chị và anh Lê Anh T chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng gia đình anh T tại ấp CX, xã HT khoảng 02 tháng thì chuyển về sống cùng cha, mẹ chị tại khu phố GH, phường TrB. Vợ

chồng cùng làm công nhân. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, chị nghi ngờ anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên không còn lòng tin đối với anh T, vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay, anh T đã về cư trú tại ấp CX, xã HT; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm đã phai nhạt, không còn hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 25/4/2019. Cháu Th hiện đang sống chung với chị, cháu rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Lê Anh T trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị Ph về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, chị Ph hay ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng anh đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay, tình cảm đã phai nhạt và không ai có thiện chí hàn gắn. Nay anh đồng ý ly hôn chị Ph.

Về con chung: anh và chị Ph có 01 con chung là cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 25/4/2019. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Th cho chị Ph được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng Ph đối với anh Lê Anh T. Chị Ph được ly hôn anh T.

Về con chung: giao cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 25/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng Ph được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Lê Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng.

Về tài sản chung: chị Ph, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: chị Ph, anh T trình bày không có nợ.

Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Hồng Ph và anh Lê Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ph và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ nhau và đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn chung sống với nhau, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị Ph yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn chị Ph.

Xét thấy, chị Ph và anh T tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, do chị Ph và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph đối với anh T, cho chị Ph được ly hôn anh T là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Vợ chồng chị Ph, anh T có 01 con chung là cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 25/4/2019 hiện đang theo sống cùng chị Ph. Khi ly hôn, chị Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và anh T cũng đồng ý giao cháu Th cho chị Ph được tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Th cho chị Ph được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Ph yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi

tháng 1.000.000 (một triệu) đồng và anh T cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận anh Lê Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 25/4/2019 mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Th thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: chị Ph, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: chị Ph, anh T trình bày không có nợ.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 110, 116, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng Ph đối với anh Lê Anh T.

Chị Nguyễn Thị Hồng Ph được ly hôn anh Lê Anh T.

2. Về con chung: giao cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 25/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng Ph được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh Lê Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 25/4/2019 mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Th thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị Ph, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Ph, anh T trình bày không có nợ.

5. Án phí: chị Nguyễn Thị Hồng Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015268 ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị Ph đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

6. Chị Ph, anh T có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư